

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Xuân Hiếu;
- Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 207/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Ấp Á, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn bà T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Trọng Đ có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện D vào ngày 20/12/2011. Sau khi kết hôn, ban đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng hết tình cảm, không còn yêu thương, quan tâm đến nhau. Theo bà T, nguyên nhân ly hôn là do ông Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, bia và chửi bới vợ vô cớ. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà T trình bày không có con chung với ông Đ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà T cung cấp: Đơn xin ly hôn ngày 15/5/2024, bản tự khai, bản sao trích lục kết hôn, bản sao căn cước công dân, đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ trong việc gửi tài liệu, chứng cứ; đơn yêu cầu không hòa giải.

Quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn ông Đ trình bày:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng để ông Đ biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Đ được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án:

Tại Biên bản xác minh ngày 04/7/2024 của TAND huyện Dầu Tiếng tại Công an xã M, huyện D thể hiện ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã M, huyện D. Hiện nay ông Đ đã rời khỏi ấp H, xã M, huyện D, hiện đi đâu, làm gì không rõ.

Tại Biên bản xác minh ngày 04/7/2024 của TAND huyện Dầu Tiếng tại Công an xã M, huyện D thể hiện ông Đ sinh sống tại ấp T, xã M, huyện D nhưng không đăng ký tạm trú.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn. Về nội dung vụ án, đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Bà **T** khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông **Đ**. Quá trình tố tụng giải quyết vụ án xác định được ông **Đ** có đăng ký thường trú tại **ấp H, xã M, huyện D** và hiện nay đang sinh sống tại **ấp T, xã M, huyện D**. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà **T** vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông **Đ** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **T**:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **T** và ông **Đ** tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã M, huyện D** vào ngày 20/12/2011 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Theo bà **T**, sau khi kết hôn, ban đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn với nhau dẫn đến vợ chồng hết tình cảm, không còn yêu thương, quan tâm đến nhau; nguyên nhân ly hôn là do ông **Đ** không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, bia và chửi bới vợ vô cớ. Bà **T** kiên quyết ly hôn với ông **Đ**. Ông **Đ** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không cung cấp ý kiến của mình cho Tòa án nên không ghi nhận ý kiến trình bày. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà **T** và ông **Đ** đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà **T** được ly hôn với ông **Đ** theo quy định tại các Điều 19 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Bà **T** trình bày không có con chung với ông **Đ** nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà **T** không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên đương sự được quyền khởi kiện tại một vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng, diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bà **T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn” của bà **Nguyễn Thị Cẩm T** đối với ông **Nguyễn Trọng Đ**, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Cẩm T** được ly hôn với ông **Nguyễn Trọng Đ**.

1.2. Về con chung: Đương sự khai không có con chung nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Cẩm T** phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000119 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, bà **Nguyễn Thị Cẩm T** đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Minh Hòa (92.2011);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phi Trần Thị Phương Trang

Trần Văn Tùng